

THÔNG TƯ

Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Khoa học và Công nghệ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết khoản 5 Điều 15 Luật Lưu trữ năm 2024 về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cơ quan, tổ chức khoa học và công nghệ tại các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Khoa học và Công nghệ

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Khoa học và Công nghệ, gồm 12 nhóm hồ sơ, tài liệu sau:

Nhóm 1. Hồ sơ, tài liệu chung;

Nhóm 2. Hồ sơ, tài liệu quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Nhóm 3. Hồ sơ, tài liệu phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Nhóm 4. Hồ sơ, tài liệu sở hữu trí tuệ;

Nhóm 5. Hồ sơ, tài liệu tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

Nhóm 6. Hồ sơ, tài liệu năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân;

Nhóm 7. Hồ sơ, tài liệu bưu chính;

Nhóm 8. Hồ sơ, tài liệu viễn thông;

Nhóm 9. Hồ sơ, tài liệu tần số vô tuyến điện;

Nhóm 10. Hồ sơ, tài liệu công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số;

Nhóm 11. Hồ sơ, tài liệu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số quốc gia.

Nhóm 12. Hồ sơ, tài liệu giao dịch điện tử;

2. Việc áp dụng các quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Thông tư này được thực hiện như sau:

a) Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu dùng để xác định thời hạn lưu trữ đối với các nhóm hồ sơ, tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Mức xác định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu không được thấp hơn mức thời hạn lưu trữ được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với hồ sơ, tài liệu chưa được quy định tại Thông tư này, cơ quan, tổ chức xác định thời hạn lưu trữ căn cứ vào nhóm hồ sơ, tài liệu có nội dung, tính chất tương tự hoặc theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thông tư số 19/2019/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên ngành Khoa học và Công nghệ hết liệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức khoa học và công nghệ tại các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Noi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo Chính phủ; Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ; Công thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, VP.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng